

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ ĐÌNH TIẾN

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG CẤP VÀ QUẢN LÝ CHỨNG MINH
NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 60 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2016

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN HOÀNG ANH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật -
Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	1
Chương 1: Một số vấn đề lý luận về Chứng minh nhân dân và áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	6
1.1. Nhận thức chung về Chứng minh nhân dân	6
1.1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam	6
1.1.2. Số định danh cá nhân ở Việt Nam	7
1.1.2.1. Nhận thức về Số định danh cá nhân ở Việt Nam	7
1.1.2.2. Quản lý công dân bằng Số định danh cá nhân ở một số nước trên thế giới và tại Việt Nam hiện nay	8
1.1.3. Đặc điểm của Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	9
1.2. Pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	9
1.2.1. Pháp luật về Chứng minh nhân dân	9
1.2.2. Pháp luật về cấp Chứng minh nhân dân	10
1.2.3. Pháp luật về quản lý Chứng minh nhân dân	10
1.3. Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	10
1.3.1. Khái niệm áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	10
1.3.2. Đặc điểm của áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	11
1.3.3. Vai trò của áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	11
Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	13
2.1. Bối cảnh áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	13
2.1.1. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam những năm gần đây liên quan đến cấp và quản lý Chứng minh nhân dân	13
2.1.2. Đặc điểm về các loại giấy tờ công dân ở Việt Nam hiện nay	14
2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về cấp Chứng minh nhân dân	14
2.3. Thực trạng áp dụng pháp luật về quản lý Chứng minh nhân dân.	15
2.3.1. Thẩm quyền kiểm tra Chứng minh nhân dân	15
2.3.2. Thẩm quyền tạm giữ, thu hồi Chứng minh nhân dân	15

2.3.3. Thẩm quyền xử phạt về Chứng minh nhân dân	15
2.4. Thành công và hạn chế trong áp dụng pháp luật về cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	16
2.4.1. Kết quả công tác cấp Chứng minh nhân dân	16
2.4.2. Kết quả công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân phục vụ quyền lợi của nhân dân, phòng chống tội phạm	17
2.5. Ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân.	19
2.5.1. Ưu điểm	19
2.5.2. Hạn chế	19
2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế	20
Chương 3: Dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	21
3.1. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.	21
3.1.1. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động tích cực đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	21
3.1.2. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động tiêu cực đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay	22
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong áp dụng pháp luật về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân ở nước ta hiện nay	22
Kết luận	24

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Trong những năm gần đây Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, nâng tầm quốc gia trên trường quốc tế. Việc đất nước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, mọi lĩnh vực là một tín hiệu đáng mừng nhưng đi cùng với nó là những hệ lụy, khó khăn trong việc xây dựng những chính sách đáp ứng nhu cầu đổi mới; vấn đề quản lý cư trú, đi lại của công dân trong nước và người nước ngoài, kinh tế phát triển mạnh mẽ từ đó nảy sinh nhu cầu đi lại, giao dịch của công dân ngày một tăng cao và đa dạng, tội phạm và vi phạm pháp luật có chiều hướng nhiều hơn về vụ việc, tinh vi hơn về thủ đoạn. Để đáp ứng nhu cầu đi lại, giao dịch chính đáng của công dân đồng thời phòng ngừa tội phạm, hạn chế hành vi vi phạm pháp luật, Nhà nước ta đã quy định các loại giấy tờ tùy thân làm căn cứ để chứng minh nhân thân của công dân, trong đó Chứng minh nhân dân là một loại giấy tờ tùy thân, giấy tờ gốc được sử dụng nhiều nhất. Hiện nay, không ít trường hợp các đối tượng che dấu căn cước, lai lịch của mình và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của nhân dân, những thiếu sót, sơ hở trong cấp, quản lý và sử dụng Chứng minh nhân dân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vấn đề trên đang gây dư luận không tốt trong nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác quản lý dân cư và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Mặt khác, xét trên phương diện lý luận cũng chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể về việc áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Để từng bước nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận, thực tiễn về Chứng minh nhân dân góp phần phục vụ có hiệu quả các nhu cầu, giao dịch chính đáng của nhân dân đồng thời đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Với ý nghĩa đó, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài: “*Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay*” làm đề tài luận văn cao học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Làm rõ lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý và sử dụng Chứng minh nhân dân ở nước ta giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện mục tiêu trên nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra bao gồm:

- Nghiên cứu làm rõ nhận thức, lý luận về Chứng minh nhân dân, vấn đề áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý và sử dụng Chứng minh nhân dân; Vai trò và sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả trong áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở nước ta hiện nay.

- Làm rõ thực trạng pháp luật, áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, đặc biệt đi sâu nghiên cứu tình hình tội phạm che giấu căn cước, lai lịch, lợi dụng Chứng minh nhân dân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Đánh giá làm rõ kết quả đã đạt được, những tồn tại, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của sự tồn tại, thiếu sót.

- Dự báo tình hình, những yếu tố tác động tới việc áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, đề xuất một số giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu: Lý luận, thực trạng áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý và sử dụng Chứng minh nhân dân.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu hoạt động áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý, sử dụng Chứng minh nhân dân phục vụ nhu cầu chính đáng của nhân dân, góp phần phòng ngừa, đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật. Quá trình nghiên cứu được thực hiện dưới góc độ lý luận, lịch sử nhà nước về pháp luật. Nghiên cứu luận văn theo phạm vi áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân trên cả nước. Tài liệu nghiên cứu khảo sát thực tiễn giới hạn từ năm 2010 đến năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin về phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức đã được học về Lý luận lịch sử nhà nước và pháp luật.

Những phương pháp cụ thể được áp dụng: Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê, nghiên cứu thực tiễn; nghiên cứu điển hình, thăm dò khoa học.

5. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thống kê thực tế cho thấy hiện nay chỉ có 01 giáo trình viết chuyên sâu về công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân của Học viện Cảnh sát nhân dân, đó là: *“Giáo trình cấp, quản lý Chứng minh nhân dân và quản lý, khai thác tàng thư Căn cước công dân”*.

Công tác nghiên cứu về lĩnh vực áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân còn khá mới mẻ ở Việt Nam và thế giới, có rất ít công trình khoa học lớn được đầu tư nghiên cứu. Qua tìm hiểu, khai thác tại các thư viện của các học viện, trường Công an nhân dân, trường Đại học Luật Hà Nội, trường Đại học Quốc gia Hà Nội có một số công trình nghiên cứu có liên quan như sau:

- Đề tài khoa học cấp bộ “Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng cơ sở dữ liệu về Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân)” mã số BC - 2002 - C27 - 030 {28} của cử nhân Hoàng Quyền Môn, Phó Cục trưởng Cục hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, năm 2004.

- Đề tài khoa học cấp bộ “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” mã số BC - 2009 - C13 - 040 {48} của tác giả Vũ Xuân Dung, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, năm 2011.

- Đề tài khoa học cấp bộ “Hoàn thiện pháp luật cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư”, mã số BC - 2013 - TCVII - 13 {40} của tác giả Trần Văn Vệ, Phó Tổng

cục trưởng Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội - Bộ Công an, năm 2014.

6. Những điểm mới của luận văn

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, chỉ rõ kết quả đạt được, khó khăn, thuận lợi, tồn tại, nguyên nhân. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả về áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở nước ta hiện nay.

Luận văn làm rõ những phức tạp trong cấp và quản lý về Chứng minh nhân dân, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật lợi dụng Chứng minh nhân dân, các thông tin về căn cước công dân và các biện pháp cần tiến hành để nâng cao hiệu quả trong áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân để phục vụ nhu cầu chính đáng của công dân, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật.

Luận văn phân tích, đưa ra một số vấn đề về dự báo tình hình để giúp nhân dân, các cơ quan chức năng đặc biệt là cơ quan Công an có thêm hiểu biết, định hướng, giải pháp áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân. Luận văn góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân, xây dựng hoàn thiện các quy định trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch hợp pháp, yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

7. Ý nghĩa thực tiễn và lý luận của luận văn

Về lý luận: kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận đối với công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với Chứng minh nhân dân. Bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận, thực tiễn về áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân của cơ quan chức năng góp phần phục vụ nhu cầu chính đáng, hợp pháp của nhân dân, yêu cầu về phòng ngừa đấu tranh, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

Về thực tiễn: Nâng cao nhận thức về áp dụng pháp luật trong Chứng minh nhân dân cho nhân dân, các cơ quan ban ngành có liên quan, nâng cao ý thức mang dùng Chứng minh nhân dân của công dân, lực lượng Công an thực hiện công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân nắm được tình hình sử dụng Chứng minh nhân dân của người dân. Kết quả nghiên cứu của luận văn là cơ sở để nhân dân khắc phục những hạn chế, sai phạm trong quản lý, sử dụng Chứng minh nhân dân, đặc biệt các định hướng, giải pháp giúp các cơ quan chức năng, đặc biệt là lực lượng Công an nhân dân có thể áp dụng để khắc phục những tồn tại, thiếu sót từng bước nâng cao hiệu quả trong công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ có những đóng góp tích cực trong việc từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận, thực tiễn quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với vấn đề áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở nước ta hiện nay và là tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu, học tập, giảng dạy trong các trường Công an nhân dân và những học giả quan tâm.

8. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và mục lục, nội dung chính của luận văn được cấu trúc gồm 03 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về Chứng minh nhân dân và áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.
- Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.
- Chương 3: Dự báo và Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1:

Một số vấn đề lý luận về Chứng minh nhân dân và áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

1.1. Nhận thức chung về Chứng minh nhân dân.

1.1.1. Khái niệm và lịch sử phát triển về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam

Năm 1975, sau khi thống nhất đất nước, do hai miền Bắc, Nam có sự khác nhau về các loại giấy tờ tùy thân. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân giữa hai miền và đảm bảo cho công tác quản lý của nước ta được thống nhất, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/CP ngày 09/8/1976 về việc cấp Chứng minh nhân dân cho công dân. Quá trình thực hiện việc cấp phát và quản lý Chứng minh nhân dân từ đó đến năm 1998 đã có nhiều sự thay đổi do sự chia cắt địa giới hành chính và do sự biến đổi cơ học của công dân nên các quy định trên không còn phù hợp. Chính vì vậy, ngày 03/02/1999 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/NĐ-CP của Chính phủ về Chứng minh nhân dân để tạo điều kiện cho việc đi lại của công dân được thuận lợi đồng thời phục vụ cho công tác quản lý xã hội của Nhà nước và công tác nghiệp vụ của ngành Công an được chặt chẽ.

Ngày 20/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Căn cước công dân có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 trong đó có các quy định cụ thể về thẻ Căn cước công dân. Đây là văn bản pháp luật có tính hiệu lực cao nhất về giấy tờ chứng minh nhân thân của một con người, mà trước đây văn bản hiệu lực cao nhất quy định là Nghị định của Chính phủ nhưng hiện tại đã được Luật của Quốc hội quy định, hiệu lực thi hành cao hơn đồng thời cho thấy ý nghĩa đặc biệt quan trọng của thẻ Căn cước công dân (Chứng minh nhân dân). Việc Luật Căn cước công dân được ban hành đã bắt kịp những thay đổi to lớn của đất nước về kinh tế, văn hóa, xã hội đồng thời theo đúng xu hướng phát triển của thế giới và khu vực trong việc cấp và quản lý giấy tờ tùy thân của công dân.

Có thể hiểu *Chứng minh nhân dân (thẻ Căn cước công dân)* là một loại giấy tờ tùy thân của công dân do cơ quan Công an có thẩm quyền chứng nhận về những đặc điểm riêng và nội dung cơ bản của mỗi công dân trong độ tuổi do pháp luật quy định, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền tự do đi lại và các quan hệ xã hội đồng thời phục vụ công tác nghiệp vụ của ngành Công an trước mắt và lâu dài.

1.1.2. Số định danh cá nhân ở Việt Nam

1.1.2.1. Nhận thức về Số định danh cá nhân ở Việt Nam

Điều 6 Thông tư số 10/2013/TT-BCA của Bộ Công an ngày 22/02/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định rõ: “Số định danh cá nhân là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số, xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp cho mỗi công dân Việt Nam và gắn với người đó từ khi sinh ra đến khi chết, không lặp lại ở người khác, dùng để xác định dữ liệu về căn cước công dân, những dữ liệu khác về công dân, sử dụng trong các giấy tờ giao dịch, đi lại và được cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền để sử dụng trong hoạt động quản lý nhà nước”.

Khoản 2 Điều 19 Luật Căn cước công dân 2014 quy định: “Số thẻ Căn cước công dân là số định danh cá nhân”, như vậy mã số định danh cá nhân ở Việt Nam trùng với số thẻ Căn cước công dân, cũng là số của Chứng minh nhân dân (12 số).

Như vậy, Số định danh cá nhân được cấp cho mỗi công dân khi đăng ký khai sinh kể từ ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực 01/01/2016. Đối với công dân đã đăng ký khai sinh trước ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực, số định danh cá nhân được cấp khi thực hiện thủ tục cấp mới, đổi, thay thế Căn cước công dân (Chứng minh nhân dân) hoặc đăng ký thường trú. Số định danh cá nhân được ghi trên giấy khai sinh và thẻ Căn cước công dân, số này không thay đổi trong suốt cuộc đời công dân; số định danh cá nhân đã cấp cho công dân này thì không sử dụng để cấp cho công dân khác.

1.1.2.2. Quản lý công dân bằng Số định danh cá nhân ở một số nước trên thế giới và tại Việt Nam hiện nay

Vấn đề quản lý công dân bằng con số là phương thức quản lý hiệu quả, đã và đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Đây là cách thức quản lý công dân bằng số định danh cá nhân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng các giấy tờ công dân có nội dung thông tin nằm hoàn toàn trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chỉ cần cấp một giấy tờ có chứa số định danh cá nhân khi cấp số định danh cá nhân. Các giao dịch giữa công dân với cơ quan hành chính dẫn đến việc phát sinh/thay đổi thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được cập nhật mà không phải cấp các giấy tờ công dân.

Trên thế giới đã có nhiều quốc gia sử dụng công cụ số định danh cá nhân và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện quản lý xã hội như Singapore, Malaysia, Đức, Áo, Thụy Điển, Hàn Quốc, Bosnia và Herzegovina... Đặc biệt, Malaysia và Áo đã có những thành công đặc biệt giúp thay đổi cơ bản cách thức giải quyết giao dịch hành chính công gắn với công dân cũng như cách thức quản lý nhà nước và hoạt động của các cơ quan hành chính.

Tại Việt Nam: phương án cấu trúc số định danh cá nhân được lựa chọn để sử dụng chung cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng như đã sử dụng để cấp Chứng minh nhân dân theo công nghệ mới gồm 12 số trước đây và hiện tại là thẻ Căn cước công dân, có cấu trúc như sau: PPP-GYY-NNN-NNN. Trong đó:

PPP: gồm 3 số tự nhiên là mã tỉnh nơi sinh của công dân. Đối với người nước ngoài thì có mã số riêng cũng theo cấu trúc này.

G: gồm 1 số tự nhiên là mã thế kỷ ứng với giới tính của công dân được đánh số từ 1 đến 10.

YY: gồm 2 số tự nhiên là hai số cuối năm sinh của công dân

NNN-NNN: gồm 6 số tự nhiên là số thứ tự sinh số theo hồ sơ cấp Căn cước công dân của công dân hoặc hồ sơ cấp số định danh cá nhân đối với công dân đăng ký khai sinh mới

1.1.3. Đặc điểm của Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại nhiều loại Chứng minh nhân dân có giá trị pháp lý và giá trị sử dụng như nhau, cơ sở pháp lý của các loại Chứng minh nhân dân này được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó các loại văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành. Đó là:

- Chứng minh nhân dân 9 số, căn cứ pháp lý là Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân;

- Chứng minh nhân dân 12 số (mặt sau có họ và tên cha, họ và tên mẹ), căn cứ pháp lý là Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân; Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân.

- Chứng minh nhân dân 12 số (mặt sau không có họ và tên cha, họ và tên mẹ), căn cứ pháp lý là Nghị định 106/2013/NĐ-CP ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân đã được sửa đổi bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ;

- Thẻ Căn cước công dân, căn cứ pháp lý là Luật Căn cước công dân năm 2014.

Nội dung luận văn cũng giới thiệu cụ thể về hình dáng, kích thước, kiểu cách, màu sắc của tất cả các loại Chứng minh nhân dân trên.

1.2. Pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

1.2.1. Pháp luật về Chứng minh nhân dân

Pháp luật về Chứng minh nhân dân cũng có những đặc điểm của các loại pháp luật nói chung như: tính quyền lực nhà nước, tính quy phạm, tính xã hội... Nhưng cũng có những đặc điểm riêng như: pháp luật về Chứng minh nhân dân được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật; pháp luật về Chứng minh nhân dân mang tính chất hành chính; pháp luật về Chứng minh nhân dân là luật thành văn được nhà nước xây dựng và ban hành.

1.2.2. Pháp luật về cấp Chứng minh nhân dân

Luận văn giới thiệu cơ bản nội dung của các loại văn bản quy phạm pháp luật trong cấp Chứng minh nhân dân, đồng thời nhất mạnh đến thẩm quyền thực hiện việc cấp Chứng minh nhân dân; Điều kiện được cấp Chứng minh nhân dân; Thủ tục cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân đối với tất cả các loại Chứng minh nhân dân đang có ở Việt Nam hiện nay.

1.2.3. Pháp luật về quản lý Chứng minh nhân dân

Công tác quản lý Chứng minh nhân dân là một việc làm cần thiết, kế tiếp ngay sau khi cấp Chứng minh nhân dân nhằm củng cố kết quả công tác cấp Chứng minh nhân dân. Vì vậy sau khi cấp phát Chứng minh nhân dân cho người dân sử dụng, ở từng địa phương, từng đơn vị đặc biệt là lực lượng Công an phải tiến hành ngay công tác quản lý. Nội dung luận văn đề cập đến các quy định về thời hạn lưu trữ, bảo quản hồ sơ tài liệu trong tàng thư căn cước công dân; trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng tàng thư căn cước công dân; trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin về căn cước công dân. Đồng thời dẫn chiếu những quy định pháp luật và dự báo tình hình khi có vi phạm về quản lý Chứng minh nhân dân xảy ra.

1.3. Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

1.3.1. Khái niệm áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở nước ta hiện nay là một trong những hoạt động quản lý Nhà nước, thông qua hoạt động cấp và quản lý Chứng minh nhân dân Nhà nước nắm được tình hình biến động dân cư và sự biến động của xã hội, giúp Nhà nước có cơ sở khoa học để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội và là cơ sở để hoạch định các chính sách liên quan đến dân số, cư trú, con người. Trong bối cảnh thực hiện cải cách hành chính hiện nay, việc xây dựng các quy phạm về cấp và quản lý Chứng minh nhân dân luôn đòi hỏi phải thỏa mãn nhiều yêu cầu, trong đó có các yêu cầu có tính chất mâu thuẫn với nhau ở những khía cạnh nhất

định đó là yêu cầu bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước và yêu cầu phục vụ người dân thuận tiện. Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phải bảo đảm tính chính xác của hoạt động cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, thủ tục, quy trình trong vấn đề này đòi hỏi phải được quy định chặt chẽ, tạo khả năng phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cấp và quản lý Chứng minh nhân dân. Trong khi đó, yêu cầu về tính phục vụ người dân lại đòi hỏi thủ tục cấp Chứng minh nhân dân phải được cải cách theo hướng giản tiện, tạo thuận lợi tối đa để đáp ứng yêu cầu cấp Chứng minh nhân dân của người dân một cách nhanh chóng, thuận tiện. Đây cũng chính là kết quả của quá trình áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

Theo đó, *áp dụng pháp luật về cấp và quản lý Chứng minh nhân dân là hoạt động có tính tổ chức quyền lực nhà nước, do cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành về Chứng minh nhân dân vào những cá nhân cụ thể.*

1.3.2. Đặc điểm của áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Áp dụng pháp luật nói chung là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân cũng có những đặc điểm chung của áp dụng pháp luật, ngoài ra do đặc thù tính nên có các đặc điểm như:

- Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân là hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước và chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành, đó chính là cơ quan Công an.
- Áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân là hoạt động điều chỉnh cá biệt.
- Hoạt động áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân của cơ quan Công an phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ.

1.3.3. Vai trò của áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Nhà nước cần bảo đảm những điều kiện cần thiết và chăm lo đến mọi mặt đời sống của nhân dân. Từ những trường hợp giao dịch đơn giản nhất như: người dân xuất trình Chứng minh nhân dân khi tiếp xúc với cơ quan Nhà nước, khi sử dụng Chứng minh nhân dân để lĩnh tiền, gửi tiền, lĩnh bưu kiện... hoặc yêu cầu đề xuất về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đến những việc quan trọng như: tuyển sinh, tuyển dụng, đăng ký hộ khẩu, điều tra dân số, đến việc xin xuất cảnh... các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm tiếp xúc và giải quyết đều phải kiểm tra căn cước của từng người tới liên hệ khi giải quyết công việc mà không sợ bị nhầm lẫn. Trong quá trình tiếp xúc với công dân để giải quyết các vấn đề có liên quan đến pháp luật như: hình sự, dân sự, các hợp đồng kinh tế, công chứng pháp lý, đăng ký kết hôn... thì các cơ quan Nhà nước càng phải cần xác định công dân đó thông qua căn cước của họ trước khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Vì vậy, Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân là loại giấy chứng nhận có cơ sở đáng tin cậy nhất cho việc xác định căn cước công dân và tư cách pháp nhân của họ, đảm bảo cho việc quan hệ, giao dịch giữa cơ quan Nhà nước với công dân được chính xác thuận lợi.

Chương 2

Thực trạng áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

2.1. Bối cảnh áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam những năm gần đây liên quan đến cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê chỉ số tăng trưởng kinh tế (Tổng sản phẩm trong nước - GDP) năm 2011 tăng 6,24%; năm 2012 tăng 5,25%; năm 2013 tăng 5,42%; năm 2014 tăng 5,98% năm 2015 ước tính tăng 6,68%. Tính đến năm 2015 trên cả nước có 295 khu công nghiệp, thu hút hàng triệu nhân lực từ khắp cả nước.

Bên cạnh đó, dân số nước ta cũng gia tăng nhanh chóng: năm 2000 khoảng 77,6 triệu người, năm 2005 khoảng 82,4 triệu người, năm 2010 khoảng 87 triệu người và năm 2015 khoảng 91,7 triệu người. Như vậy chỉ trong khoảng 15 năm dân số nước ta tăng xấp xỉ 15 triệu người, trong khi quỹ đất không được mở rộng. Mật độ dân số ở các khu đô thị, khu công nghiệp tăng cao gấp nhiều lần so với ở nông thôn và các khu vực khác. Ví dụ như: mật độ dân số ở thành phố Hồ Chí Minh là khoảng 3,7 nghìn người/km², ở Hà Nội là khoảng 2,1 nghìn người/km² ... (trong khi đó theo Liên Hợp Quốc để có cuộc sống thuận lợi, bình yên trên 1km² chỉ nên có từ 35-40 người). Năm 2014, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 78 nghìn lượt người liên tục tăng kể từ năm 2009.

Từ tình hình trên cho thấy nếu không quản lý tốt vấn đề cư trú và dân cư sẽ dẫn đến những khó khăn, phức tạp để đảm bảo an ninh trật tự. Thực tế cho thấy, một trong những hoạt động của bọn tội phạm là thường tạo ra những “vỏ bọc” nhằm che giấu hành vi phạm tội, bằng cách thay tên đổi họ, di chuyển chỗ ở, nơi làm việc, giả mạo lý lịch, giấy tờ tùy thân... để có được giấy tờ tùy thân “hợp pháp” nhằm trốn tránh sự kiểm soát, phát hiện của các cơ quan chức năng, của nhân dân để chúng tồn tại và hoạt động.

2.1.2. Đặc điểm về các loại giấy tờ công dân ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, các loại giấy tờ công dân đang được giao cho một số cơ quan thực hiện quản lý, bao gồm:

- Bộ Tư pháp quản lý 03 loại giấy tờ gồm: Giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn và giấy chứng tử.
- Bộ Công an quản lý 03 loại giấy tờ gồm: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và hộ chiếu phổ thông. Hộ chiếu công vụ và Hộ chiếu ngoại giao do Bộ Công an và Bộ Ngoại giao cùng quản lý, trong đó Bộ Ngoại giao là cơ quan trực tiếp cấp Hộ chiếu, Bộ Công an là cơ quan quản lý sổ và cung cấp sổ hộ chiếu để Bộ Ngoại giao thực hiện việc cấp.
- Bộ Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe (dân sự).
- Bảo hiểm xã hội quản lý Sổ bảo hiểm xã hội và Thẻ bảo hiểm y tế.
- Thẻ mã số thuế do Bộ Tài chính quản lý.

Với đặc thù là giấy tờ phục vụ cho công dân, gắn với các giấy tờ là các thông tin cơ bản của công dân nên mặc dù được các bộ, ngành cấp nhưng trên các giấy tờ công dân đều có ba thông tin chính: họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, ngoài ra, các thông tin khác như: nơi sinh, quê quán, nơi cư trú, quốc tịch, dân tộc... trùng lặp trên rất nhiều giấy tờ công dân.

2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về cấp Chứng minh nhân dân

Hiện tại, công tác cấp Chứng minh nhân dân được quy định triển khai thực hiện ở Công an hai cấp, đó là: Công an cấp huyện và Công an cấp tỉnh. Tại cấp huyện, trực tiếp là Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và tại cấp tỉnh trực tiếp là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an hai đơn vị trên có chức năng tiếp nhận và giải quyết các thủ tục liên quan đến cấp Chứng minh nhân dân. Tuy nhiên đối với công tác cấp thẻ Căn cước công dân thì ngoài hai đơn vị được phân cấp như trên thì còn có đơn vị ở cấp trung ương cũng thực hiện nhiệm vụ này, đó là: Trung tâm căn

cước công dân quốc gia thuộc Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư (C72 - Bộ Công an).

2.3. Thực trạng áp dụng pháp luật về quản lý Chứng minh nhân dân.

2.3.1. Thẩm quyền kiểm tra Chứng minh nhân dân

Thẩm quyền kiểm tra Chứng minh nhân dân có thể là cán bộ, công chức và người của cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ khi công dân làm việc, tiếp xúc với cơ quan Nhà nước hoặc là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, công an xã kiểm tra tại nơi công cộng thuộc phạm vi địa bàn mình quản lý. Việc quy định thẩm quyền kiểm tra như trên có thể thấy để đảm bảo cán bộ, công chức xác thực đúng người, đúng việc khi công dân làm việc với cơ quan nhà nước, cũng như để đảm bảo an toàn, trật tự xã hội tại nơi công cộng, địa bàn cơ quan Công an được phân cấp quản lý.

2.3.2. Thẩm quyền tạm giữ, thu hồi Chứng minh nhân dân

Người có thẩm quyền thu hồi, tạm giữ Chứng minh nhân dân chủ yếu là của cơ quan Công an khi công dân làm các thủ tục về Chứng minh nhân dân hoặc khi công dân bị thi hành lệnh tạm giam, phạt tù, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục... Ngoài ra thì còn một số chủ thể khác có thẩm quyền tạm giữ Chứng minh nhân dân theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (nay là Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình).

2.3.3. Thẩm quyền xử phạt về Chứng minh nhân dân.

Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình quy định mức phạt tiền về vi phạm trong quản lý, sử dụng Chứng minh nhân dân thấp nhất là từ 100.000 đồng và cao nhất là 6.000.000 đồng. Tuy quy định về mức độ xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng minh nhân dân so với các vi phạm ở lĩnh vực khác là không cao (tối đa là

6.000.000 đồng) nhưng đây cũng là một biện pháp nhằm răn đe, ngăn ngừa, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với công dân trong quá trình cấp, mang dùng và sử dụng Chứng minh nhân dân.

2.4. Thành công và hạn chế trong áp dụng pháp luật về cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Kết quả công tác cấp Chứng minh nhân dân:

Từ sau khi Nghị định số 05/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/02/1999 về Chứng minh nhân dân có hiệu lực, thì kết quả tổ chức triển khai thực hiện công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân từ năm 1999 đến 2015 đã cấp được 81.920.240 Chứng minh nhân dân, trong đó từng năm:

- + Năm 2000: 2.792.039 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2001: 2.860.310 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2002: 3.200.000 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2003: 3.859.500 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2004: 4.430.000 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2005: 4.688.250 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2006: 4.870.173 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2007: 5.001.756 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2008: 5.520.182 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2009: 5.524.296 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2010: 5.839.631 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2011: 5.893.562 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2012: 6.449.457 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2013: 7.015.778 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2014: 7.145.909 Chứng minh nhân dân;
- + Năm 2015: 6.829.397 Chứng minh nhân dân.

Diễn hình, trong 10 năm từ 2005 đến 2014, 05 thành phố trực thuộc trung ương gồm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ đã cấp được 10.827.555 Chứng minh nhân dân (chiếm 18,7% số Chứng minh nhân

dân được cấp trong cả nước). Riêng Hà Nội cấp được 3.882.574 Chứng minh nhân dân (chiếm 6,7% số Chứng minh nhân dân được cấp trên cả nước); Thành phố Hồ Chí Minh cấp 4.433.893 Chứng minh nhân dân (chiếm 7,7% số Chứng minh nhân dân được cấp trên cả nước). Trong khi đó, cùng trong 10 năm trên tỉnh Bắc Kạn cấp được 187.051 Chứng minh nhân dân (chiếm 0,32% Chứng minh nhân dân được cấp trên cả nước); tỉnh Cao Bằng cấp được 216.190 Chứng minh nhân dân (chiếm 0,37% số Chứng minh nhân dân được cấp trên cả nước).

Ngày 11/5/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 446/QĐ-TTg phê duyệt Dự án sản xuất, cấp và quản lý Chứng minh nhân dân. Sau khi sơ kết công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân theo mẫu mới, Bộ Công an tiếp tục cho phép triển khai mở rộng Dự án cấp Chứng minh nhân dân tại 16 tỉnh, thành phố gồm: tất cả các quận, huyện của thành phố Hà nội, Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Quảng Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu. Tính từ khi triển khai dự án đến cuối năm 2015 đã cấp được trên 1,8 triệu Chứng minh nhân dân theo công nghệ mới (12 số) cho công dân. Riêng năm 2015 Dự án sản xuất, cấp và quản lý Chứng minh nhân dân đã cấp được 1.365.464 Chứng minh nhân dân, trong đó cấp mới được 1.339.769 Chứng minh nhân dân (98,11%), cấp đổi 9.564 Chứng minh nhân dân (0,7%), cấp lại 16.131 Chứng minh nhân dân (1,19%). Quá trình cấp Chứng minh nhân dân theo công nghệ mới đã phát hiện và xử lý 1.551 trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu.

2.4.2. Kết quả công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân phục vụ quyền lợi của nhân dân, phòng chống tội phạm

Tính đến thời điểm cuối năm 2013, kết quả đạt được như sau:

Kết quả tra cứu phục vụ công tác cấp Chứng minh nhân dân là: 17.914.420 trường hợp. Trong đó phát hiện các trường hợp vi phạm: Sai họ tên, chữ đệm là: 433.705 trường hợp; sai tuổi: 473.719 trường hợp; giả mạo hồ sơ: 6.224 trường hợp; làm giả sổ hộ khẩu: 601 trường hợp; tráo người xin

cấp Chứng minh nhân dân là: 13.320 trường hợp; cấp sai đối tượng: 137 trường hợp; không có hộ khẩu vẫn làm Chứng minh nhân dân: 28 trường hợp; không có hồ sơ gốc trong tàng thư căn cước công dân: 1.567.013 trường hợp; Chỉ bản và Tờ khai không trùng khớp: 5.376 trường hợp; có 2, 3 Chứng minh nhân dân trở lên: 421.999 trường hợp; sai thông tin so với hồ sơ gốc trong tàng thư căn cước công dân: 1.056.854 trường hợp.

Tra cứu tàng thư Chứng minh nhân dân phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát hiện các trường hợp vi phạm gồm: Đối tượng truy nã và nhận diện đối tượng: 29.376 trường hợp; truy tìm tung tích nạn nhân: 39.424 trường hợp; tra cứu phục vụ yêu cầu nghiệp vụ: 1.507.982 trường hợp.

Cùng với công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các địa phương tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc mang, dùng Chứng minh nhân dân, phối hợp giữa kiểm tra Chứng minh nhân dân với kiểm tra cư trú, giao thông trật tự và ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự phục vụ có hiệu quả các đợt tấn công, trấn áp tội phạm bảo vệ các ngày lễ lớn. Trên toàn quốc đã tiến hành 1.142.828 đợt kiểm tra với 10.604.581 lượt người, ngoài ra còn thực hiện kiểm tra Chứng minh nhân dân thường xuyên, đột xuất.

Qua công tác kiểm tra phát hiện 50 đối tượng truy nã, 2.260 đối tượng nghi vẫn hoạt động phạm tội và cung cấp hàng nghìn nguồn tin cho các lực lượng điều tra khám phá án. Đồng thời, qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn hàng nghìn trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ, dùng sổ hộ khẩu của người khác để xin cấp Chứng minh nhân dân, tráo người xin cấp... Đã xử phạt 229.726 trường hợp, phạt cảnh cáo 80.359 trường hợp, nộp Kho bạc Nhà nước tổng số tiền phạt là 17.449.000.770 đồng.

2.5. Ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân.

2.5.1. Ưu điểm

Thời gian qua Bộ Công an đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn Công an các địa phương công khai các thủ tục, quy trình và lệ phí cấp Chứng minh nhân dân tại trụ sở tiếp công dân; chấn chỉnh lễ tiết, tác phong, văn hoá giao tiếp, ứng xử của cán bộ chiến sĩ công an, nhất là cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ tiếp xúc và giải quyết công việc liên quan đến các tổ chức và nhân dân; bố trí lực lượng tổ chức cấp Chứng minh nhân dân cho người già yếu, cấp Chứng minh nhân dân phục vụ kỳ thi tốt nghiệp, Cao đẳng, Đại học và cấp Chứng minh nhân dân vào ngày thứ 7; thành lập các tổ cấp Chứng minh nhân dân lưu động phục vụ cho đồng bào tại các vùng sâu, vùng xa, những người già, tàn tật; phối hợp với ngành Bưu điện chuyển phát nhanh Chứng minh nhân dân tới tận tay công dân khi có yêu cầu. Đáp ứng nhu cầu đi lại, giao dịch của nhân dân và phục vụ có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm

2.5.2. Hạn chế

Thực tế cho thấy nhiều địa phương làm tốt, nhưng cũng còn không ít địa phương chưa thực sự quan tâm tập trung chỉ đạo thường xuyên. Hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu vẫn còn xảy ra gây dư luận không tốt trong nhân dân. Tình hình trên không những ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn đến uy tín của lực lượng Công an làm công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân.

Công tác tuyên truyền vận động nhân dân, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra xử lý vi phạm trong mang, dùng Chứng minh nhân dân còn hạn chế, chưa thường xuyên, chủ yếu mang tính hình thức; một số địa phương chủ yếu chỉ tập trung vào các đợt cao điểm rồi buông lỏng.

Công tác tra cứu tàng thư căn cước công dân khi cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân một số địa phương thực hiện chưa tốt, thiếu đồng bộ và chặt chẽ, vẫn còn trường hợp tra cứu xác minh hồ sơ lưu chậm, dẫn đến

việc hoàn thiện Chứng minh nhân dân trả cho công dân chưa đảm bảo thời gian hoặc để người dân phải đi lại nhiều lần.

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Về pháp luật: Một số quy định về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân bộc lộ những bất cập, hạn chế; công tác quản lý nhà nước về căn cước công dân chưa được quan tâm đúng mức.

- Về cơ sở vật chất: Nhu cầu cấp Chứng minh nhân dân của người dân ngày một tăng, trong khi đó, phương tiện, vật tư và biểu mẫu cấp, quản lý Chứng minh nhân dân còn rất hạn chế

- Về cán bộ công chức: Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân hiện vẫn còn thiếu; một số cán bộ vì những lý do khác nhau, không yên tâm công tác muốn chuyển công tác khác; một bộ phận cán bộ trực tiếp thực hiện công tác này chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ... đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác.

- Về ý thức pháp luật: mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật nói chung và ý thức pháp luật liên quan đến Chứng minh nhân dân nói riêng tuy nhiên kết quả của công tác này chưa đạt hiệu quả cao, đó không chỉ là vấn đề của công dân trong việc mang dùng sử dụng Chứng minh nhân dân mà còn là tồn tại trong đội ngũ cán bộ công chức làm việc liên quan đến công tác này

Chương 3

Dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

3.1. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

3.1.1. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động tích cực đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Tình hình kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay có nhiều đổi mới, như: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng diễn ra từ ngày 20 - 28/01/2016 tại Thủ đô Hà Nội đã thành công tốt đẹp, đây là sự kiện chính trị trọng đại đối với đất nước ta; là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, được nhân dân đặc biệt quan tâm. Năm 2016, là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, trong bối cảnh kinh tế thế giới thời gian qua phục hồi chậm, một số nước phá giá mạnh đồng tiền... đã tác động nhiều hơn đến nền kinh tế nước ta so với giai đoạn cuối năm 2014 đầu năm 2015. Tuy vậy, với sự điều hành sát sao của Chính phủ và quyết tâm của các Bộ, ngành, nền kinh tế vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô dần ổn định, các chỉ tiêu lớn của nền kinh tế cơ bản được hoàn thành.

Có thể nói, cơ sở để Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP cao, ở mức 6,7% trong năm 2016 ngoài kết quả tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn 2011-2015, kết quả từ tái cơ cấu nền kinh tế, thu ngân sách nhà nước, thu hút vốn FDI, cơ hội từ việc gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)... thì còn phải kể đến nhân tố quan trọng được các tổ chức kinh tế - tài chính và giới chuyên gia quốc tế đánh giá rất cao đó là kết quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia mà hiện nay Việt Nam đang triển khai.

Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cũng chú trọng việc thực hiện các chỉ

tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững, phát triển văn hoá-xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

3.1.2. Dự báo tình hình và các yếu tố tác động tiêu cực đến áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố có biểu hiện gia tăng, tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là trên Biển Đông diễn biến phức tạp, gay gắt và rất khó lường..

Tình hình trong nước, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức. Kinh tế - xã hội tuy có những bước phát triển tích cực nhưng vẫn chưa vững chắc, các thế lực thù địch, cơ hội chính trị trong và ngoài nước đang tìm mọi cách chống phá Nhà nước của nhân dân.

Vấn đề môi trường đang có những dấu hiệu tiêu cực, khí thải, khói bụi, rác thải không được kiểm soát. Thời gian qua hiện tượng triều cường, khô hạn, ngập mặn... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nước ta, đỉnh điểm nhất như triều cường tại thành phố Hồ Chí Minh, khô hạn ở Ninh Thuận, ngập mặn ở vùng Tây Nam Bộ và gần đây nhất là thảm họa cá chết hàng loạt ở các tỉnh miền trung. Các hiện tượng trên là vô cùng thảm khốc và đau lòng, chi phí để khắc phục, tái sản xuất lên tới hàng trăm ngàn tỷ đồng và thời gian thực hiện có khi tính bằng thập kỷ hay thế kỷ.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong áp dụng pháp luật về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân ở nước ta hiện nay.

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tin học hóa công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Thứ ba, nâng cao chất lượng công tác tổ chức áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý Chứng minh nhân dân

Thứ tư, xây dựng, bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về áp dụng pháp luật trong công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Thứ năm, tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phương tiện kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác áp dụng pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân

Thứ sáu, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức pháp luật trong cấp và quản lý Chứng minh nhân dân.

KẾT LUẬN

Công tác áp dụng pháp luật trong cấp, quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay là một trong những công tác rất quan trọng không chỉ đối với ngành Công an mà còn là của cả xã hội, bởi nếu không làm tốt công tác này các đối tượng xấu có thể lợi dụng để tiến hành các hoạt động phi pháp, gây rối an ninh trật tự. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay Việt Nam đang có những bước tiến để hội nhập quốc tế sâu rộng, kinh tế phát triển mạnh mẽ, tình hình chính trị xã hội có nhiều phức tạp thì vấn đề quản lý con người lại càng phải quan tâm.

Luận văn “*Áp dụng pháp luật trong công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân ở Việt Nam hiện nay*” đã phân nào làm rõ được tầm quan trọng của công tác áp dụng pháp luật về Chứng minh nhân dân đối với hoạt động quản lý của nhà nước và đời sống của nhân dân trong bối cảnh hiện nay, cùng đó chỉ ra các quy định của pháp luật về công tác cấp và quản lý Chứng minh nhân dân, số liệu thực tiễn liên quan đến công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân những năm gần đây, phục vụ nhân dân và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cùng với đó cũng nêu lên những tồn tại và giải pháp nâng cao hiệu quả cho công tác này.